

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST
Ngày: 04-5-2022
“*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm

Ông Huỳnh Ngọc Ngươl

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Tùng Kháng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Minh N - sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh C .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Toàn - sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Đặng Văn X – sinh năm 1968 và bà Thái Thị P - sinh năm 1972. (ông X có mặt, bà P vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Phan Minh N là chủ đại lý thức ăn – vật tư nuôi trồng thủy sản 5 Nhó tại ấp Cái Giếng – xã Đông Hưng – huyện Cái Nước, thỏa thuận với vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P ký hợp đồng mua bán vật tư nuôi tôm công nghiệp, hợp đồng do ông X trực tiếp ký tên.

Do vợ chồng ông X nuôi tôm thất bại nhiều lần, nên số tiền còn nợ lại lớn nên ông N ngừng cung cấp vật tư nuôi tôm công nghiệp cho vợ chồng ông X và bà P, 02 bên đối chiếu nợ thì số tiền mua bán vật tư nuôi tôm công nghiệp phía vợ chồng ông X bà P còn nợ lại là 315.897.000 đồng.

Từ khi đối chiếu nợ cho đến năm 2020, thì phía ông N đã nhiều lần liên hệ với vợ chồng ông X bà P để yêu cầu thanh toán nợ, nhưng cứ hứa mà không thực hiện và vợ chồng đã bỏ đi không thường xuyên ở nhà.

Nay ông N yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua bán thức ăn, vật tư nuôi tôm công nghiệp còn nợ là 315.897.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/02/2022, ông Đặng Văn X trình bày:*

Trước đây ông X có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm công nghiệp với ông Phan Minh N, ông N cung cấp tôm giống và thức ăn – thuốc nuôi tôm công nghiệp, 02 bên thỏa thuận khi nào lên tôm thì ông N thu hồi vốn và ông X được nhận phần lời.

Trong quá trình nuôi tôm công nghiệp của ông X thì về sau thất bại, mỗi lần lên tôm đều lỗ, nên không đủ trả tiền vốn thức ăn và thuốc nuôi tôm cho ông N, nhiều lần cộng lại thì ông X còn nợ ông N tổng số tiền là 315.897.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông Phan Minh N về việc yêu cầu vợ chồng ông X cùng thanh toán nợ số tiền mua bán thức nuôi tôm thì ông X không thống nhất việc yêu cầu cả 02 vợ chồng của ông N, việc nuôi tôm công nghiệp và số nợ này thì thuộc trách nhiệm của ông X, không có liên quan đến bà Thái Thị P, tuy trong thời gian nuôi tôm công nghiệp thì vợ chồng sống chung một nhà, nhưng lúc này vợ chồng đã ly thân, tiền bạc của ai tự sử dụng, không sử dụng tiền chung; Đồng thời, khi ký hợp đồng thì chỉ có ông X ký tên, bà P không ký tên.

** Đối với bà Thái Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà không tham gia phiên họp và hòa giải, bà P cũng không có văn bản trình bày ý kiến mình về yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh N.*

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Thanh Toàn trình bày yêu cầu: Vào năm 2017 ông N và vợ chồng ông X bà P thỏa thuận ông N cung cấp thức ăn nuôi tôm công nghiệp, sau khi nuôi tôm thất bại thì 02 bên đối chiếu nợ phía vợ chồng ông X còn nợ lại số tiền là 315.897.000 đồng, việc giao dịch cung ứng thức ăn và vật tư để tôm được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa ông X và bà P vẫn còn tồn tại, vợ chồng ông X bà P còn sống chung một nhà, bà P có trực tiếp nhận vật tư nuôi tôm về đưa cho ông X; Do đó, ông Toàn yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền vốn mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 315.897.000 đồng cho ông Phan Minh N; không yêu cầu tính lãi suất.

- Ông Đặng Văn X trình bày ý kiến: Ông X không đồng ý với ý kiến trình bày của ông Toàn về trách nhiệm trả nợ của bà Thái Thị P, việc ký hợp đồng chỉ một mình ông trực tiếp ký, tuy trong lúc nuôi tôm thì vợ chồng còn sống chung một nhà, nhưng đã ly thân với nhau, kinh tế của ai thì tự sử dụng, việc bà P lấy vật tư nuôi tôm là do ông X nhờ lấy dùm khi trên đường đi về nhà; nên yêu cầu thanh toán nợ của ông Phan Minh N thì chỉ một mình ông có trách nhiệm trả số nợ cho ông N là 315.798.000 đồng.

- Bà Thái Thị P vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh N, buộc vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 315.897.000 đồng, về án phí dân sự sơ thẩm thì buộc vợ chồng ông X và bà P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – bà Thái Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần 4, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Thái Thị P.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phan Minh N khởi kiện vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P cùng địa chỉ tại ấp Rạch Dục – xã Tân Hưng Đông – huyện Cái Nước về việc tranh chấp tiền mua bán thức ăn nuôi tôm, nên quan hệ

pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét về yêu cầu của nguyên đơn: Ông Phan Minh N yêu cầu vợ chồng ông X và bà P có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc tiền thức ăn nuôi tôm còn nợ là 315.897.000 đồng.

- Xét về ý kiến của bị đơn ông Đặng Văn X: Ông X và ông N thỏa thuận và đi đến ký hợp đồng ông N cung cấp tôm giống, thức ăn và vật tư nuôi tôm công nghiệp cho ông X, hợp đồng chỉ do ông X trực tiếp ký, sau khi nuôi tôm thất bại thì còn nợ ông N số tiền là 315.897.000 đồng, đối với số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ thì chỉ ông X là người chịu trách nhiệm thanh toán, không có liên quan gì đến vợ ông là bà Thái Thị P.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu đề nghị về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về giao dịch mua bán hàng hóa là thức ăn và vật tư nuôi tôm công nghiệp giữa các bên đương sự là có xảy ra trên thực tế, số tiền còn nợ chưa thanh toán là 315.897.000 đồng cũng được bị đơn là ông Đặng Văn X thừa nhận và đồng ý thanh toán là đúng như thể hiện trong hợp đồng mua bán có ghi và ông X đã thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; do đó, yêu cầu về việc thanh toán nợ của ông Phan Minh N là có cơ sở, nên được chấp nhận.

- Về trách nhiệm thanh toán: Theo lời trình bày của ông X thì thời gian ông X bắt đầu nuôi tôm và ông N cung cấp tôm giống, thức ăn và vật tư nuôi tôm công nghiệp thì quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà P vẫn còn tồn tại, vợ chồng sống chung một nhà, ông X có nhờ bà P lấy vật tư nuôi tôm từ cơ sở của ông N, phần đất dùng để nuôi tôm công nghiệp là tài sản chung của vợ chồng ông X và bà P, nhưng lúc này giữa ông X và bà P đã ly thân với nhau, tài chính của ai thì tự sử dụng, nên bà P không có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ ông N; ý kiến của ông X về trách nhiệm thanh toán không có liên quan đến bà P là không có cơ sở, bởi lẽ:

+ Một là: Ông X cho rằng ông và bà P đã ly thân, chưa ly hôn, còn ở chung một nhà; qua đó, khẳng định rằng đến nay thì quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà P vẫn còn tồn tại.

+ Hai là: Việc bắt đầu nuôi tôm thì bà P có biết, giữa 02 người còn sống chung một nhà, bà P có đi lấy vật tư tại cơ sở của ông N, nên số nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông N được xác định là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông X và bà P.

+ Ba là: Phần đất dùng để nuôi tôm công nghiệp là tài sản chung của vợ chồng, việc nuôi tôm nhằm mục đích để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình và phát triển khối tài sản chung của vợ chồng ông X và bà P; tuy nhiên, việc nuôi tôm công nghiệp bị thất bại phát sinh nợ, nên vợ chồng ông X và bà P phải có nghĩa vụ chung đối với việc sử dụng tài sản chung.

- Bà Thái Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, nhưng bà P không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông Phan Minh N khởi kiện yêu cầu bà P cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với chồng bà là ông Đặng Văn X. Do đó, bà P phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh N, buộc vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Phan Minh N số tiền nợ gốc mua bán thức ăn nuôi tôm là 315.897.000 đồng.

Trường hợp chậm trả số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

[3.2] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Buộc vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P phải liên đới chịu án phí với số tiền = 315.897.000 đồng x 5% = 15.795.000 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng, tính tròn số*).

- Phần ông Phan Minh N nộp tạm ứng án phí với số tiền 3.948.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005976 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự.

- Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh N đối với vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P về việc thanh toán tiền mua bán thức ăn nuôi tôm.

Buộc vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Phan Minh N số tiền nợ gốc mua bán thức ăn nuôi tôm là 315.897.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông X và bà P chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Đặng Văn X và bà Thái Thị P phải liên đới chịu án phí với số tiền là 15.795.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Phần ông Phan Minh N nộp tạm ứng án phí với số tiền 3.948.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005976 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn